TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 17 - 8 - 2017
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng
Các Thẩm phán: Bà Trịnh Xuân Trúc
Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thành Quang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Răng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2017/TLPT-HNGĐ Ngày 09 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 73/2017/HNGĐ-ST Ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TVT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2017/QĐ-PT Ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn V C – sinh năm 1973 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp C B, xã P L, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn*: Chị Phước Thị T – sinh năm 1986 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp L D, xã P L, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.
- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn V C là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn V C trình bày:

Anh và chị Phước Thị T kết hôn vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P L, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn N N, sinh Ngày 04/7/2013, hiện con chung do chị T đang nuôi dạy.

Về tài sản chung: Nữ trang cho trong Ngày cưới là 11 chỉ vàng 24k; vợ chồng tạo được 03 chỉ vàng 24k; 03 chỉ vàng 18k và 11.000.000 đồng. Các tài sản trên do chị T đang quản lý.

Về nợ chung: Không có.

Thời gian chung sống do tính tình không phù hợp, vợ chồng hay cự cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc, nên đã ly thân khoảng 01 năm.

Nay trước tòa anh yêu cầu được ly hôn với chị T; yêu cầu được nuôi con là Nguyễn N N, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Yêu cầu chia đôi 11 chỉ vàng 24k. Các tài sản còn lại không yêu cầu chia.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phước Thị T trình bày:

Chị thừa nhận lời trình bày của anh C về hôn nhân, con chung là đúng.

Về tài sản chung: Nữ trang cho trong Ngày cưới là 11 chỉ vàng 24k; vợ chồng tạo được 03 chỉ vàng 24k; cha mẹ ruột cho chị 03 chỉ vàng 18k và 11.000.000 đồng.

Về nợ chung: Nợ mẹ ruột là bà Nguyễn T H 4.600.000 đồng.

Về mâu thuẫn: Chị thừa nhận vợ chồng sống chung do bất đồng ý kiến, hay cự cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc, nên đã ly thân khoảng 01 năm.

Chị đồng ý ly hôn với anh C.

Chị yêu cầu được nuôi con là Nguyễn N N, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị không đồng ý chia đôi 11 chỉ vàng 24k theo như yêu cầu của anh C.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 73/2017/HNGĐ-ST Ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện TVT đã quyết định:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn V C và chị Phước Thị T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn N N, sinh Ngày 04/7/2013 cho chị Phước Thị T nuôi dạy đến khi đủ 18 tuổi, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu N mỗi tháng là 605.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ Ngày 25/4/2017.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Buộc chị Phước Thị T có trách nhiệm giao lại cho anh Nguyễn V C 5,5 chỉ vàng 24k (áp dụng 01 chỉ vàng 24k = 3.400.000 đồng để làm căn cứ tính án phí).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh C về việc chia tài sản chung.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất do chậm thi hành và quyền kháng cáo.

Ngày 05/5/2017 anh Nguyễn V C có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết chấp nhận cho anh được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn N N, sinh Ngày 04/3/2013.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa anh C và chị T thống nhất về hôn nhân, tài sản chung nên các đương sự không có kháng cáo, các đương sự tranh chấp với nhau về phần con chung, anh C kháng cáo xin được nuôi cháu N. Chị T không thống nhất giao cháu N cho anh C nuôi, vì chị cũng có điều kiện nuôi cháu N trưởng thành.

[2] Xét kháng cáo của anh C, Hội đồng xét xử, nhận thấy: Tại phiên tòa anh C, chị T đều có nguyện vọng được nuôi cháu N cho đến khi cháu N trưởng thành. Anh C xác định hiện tại anh đang sống chung tại nhà cùng cha mẹ ruột, nguồn thu nhập khoảng từ 5 triệu đồng/01 tháng từ việc nuôi tôm trên phần đất của cha mẹ anh, ngoài ra anh C không có tài sản riêng hay nguồn thu nhập nào khác. Tại tòa, chị T có cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới là giấy tặng cho 10 công đất của cha mẹ ruột và có xác nhận chính quyền địa phương. Như vậy, cho thấy phía chị T có điều kiện hơn đối với anh C, là chị T có phần đất 10 công, đây chính là tư liệu sản xuất, tạo ra nguồn thu nhập trên phần đất chị T xác định khoảng từ 5 triệu đồng đến 6 triệu đồng/01 tháng, khoản tiền này đủ để chị T nuôi cháu N; hơn nữa cháu N là nữ rất cần mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng và từ khi anh chị ly thân cho đến nay cháu N vẫn do chị T là người trực tiếp nuôi dạy. Như vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định, không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu N, án sơ thẩm giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dạy là phù hợp. Nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh C, giữ nguyên án sơ thẩm.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phù hợp được chấp nhận.

[3] Những nội dung khác không kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm, anh C phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn V C.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 73/2017/HNGĐ-ST Ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện TVT.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn N N, sinh Ngày 04/7/2013 cho chị Phước Thị T nuôi dạy đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn V C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn V C phải chịu 300.000 đồng, anh C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0006917 Ngày 08/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TVT, nay được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ Ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ Ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Hoàng